TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 364/2021/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 4 năm 2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đẹp

2. Ông Dương Văn Quí

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Phượng Nghĩa - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1327/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà L T H, sinh 1973 (có mặt).

Địa chỉ: 60/40/4 tổ 5 ấp 7, xã X, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông V X T, sinh 1969 (có mặt)

Địa chỉ: 60/40/4 tổ 5 ấp 7, xã X, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/11/2020, bản tự khai ngày 25/01/2021 và các biên bản phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn bà L T H trình bày:

Bà L T H và ông V X T tự nguyện tìm hiểu, cưới 1991 và đăng ký kết hôn ngày 10/12/2004 tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định theo giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01/2004. Quá trình chung sống không hạnh phúc vì ông Tr chơi cờ bạc gây nợ nần, đánh nhau, không có sự tôn trọng lẫn nhau, mâu thuẫn kéo dài.

Bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có nguyện vọng được ly hôn với ông V X T.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con tên V T Tr, sinh 1992; V T L S, sinh 1994 (đều trưởng thành).

Về tài sản chung: Bà tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L T H khai không có.

Bị đơn ông V X T: Quá trình tìm hiểu, cưới và đăng ký kết hôn đúng như bà H trình bày. Vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bản thân ông chơi bời, chi tiêu không hợp

lý dẫn đến nợ nần nhưng ông nhận thấy khả năng hàn gắn vợ chồng là có thể nên ông không đồng ý ly hôn. Quá trình chung sống có 02 con tên V T Tr, sinh 1992; V T L S, sinh 1994 (đều trưởng thành). Về tài sản chung: Có 01 căn nhà đang ở mua bán bằng vi bằng, nếu trường hợp ly hôn thì ông sẽ nhờ Tòa phân chia tài sản chung. Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi hội đồng xét xử nghị án, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn xét thấy Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân đều tuân theo đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phần nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà L T H và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà L T H khởi kiện ly hôn với ông V X T. Bị đơn ông V X T, cư trú tại 60/40/4 tổ 5 ấp 7, xã X, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: Các bên đương sự có mặt tại phiên Tòa.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Bà L T H yêu cầu được ly hôn với ông V X T; Về con chung: 02 con tên V T Tr, sinh 1992; V T L S, sinh 1994 (đều trưởng thành); Về tài sản chung: Bà tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Bà L T H khai không có.

[3.1] Về yêu cầu ly hôn: Bà L T H yêu cầu được ly hôn với ông V X T.

Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Bà L T H và ông V X T đăng ký kết hôn ngày 10/12/2004 tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định theo giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01/2004. Theo Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của bà H và ông Tr là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Mâu thuẫn vợ chồng là có thật bởi lẽ, cả bà H và ông Tr đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc ông Tr chơi cờ bạc gây nợ nần, vợ chồng thường xuyên cải vả, đánh nhau kéo dài đã lâu. Bà H yêu cầu được ly hôn với ông Tr. Còn phía ông Tr không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

Về khả năng đoàn tụ gia đình: Bà H trình bày mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã lâu do ông Tr gây nợ nần từ lúc còn ở quê cho đến nay, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, đánh nhau, ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Năm 2003 bà nộp đơn ly hôn một lần ở ngoài quê, sau đó bà muốn tạo điều kiện cho ông Tr nên rút đơn về nhưng nay bà nhận thấy ông Tr chứng nào tật đó, không sửa đổi và bà yêu cầu được ly hôn với ông Tr.

Bản thân ông Tr thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà H trình bày nhưng mâu thuẫn không lớn, còn cơ hội đoàn tụ gia đình, vợ chồng ly thân từ tháng 5/2020 đến nay, ông không đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Tr không đưa ra được giải pháp đoàn tụ gia đình với bà H và bên cạnh đó bà H cương quyết ly hôn.

Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà H và ông Tr quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và bà H cương quyết ly hôn nên khả năng đoàn tụ giữa bà H với ông Tr lại càng không có. Do đó bà H yêu cầu được ly hôn với ông Tr là có cơ sở theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà L T H và ông V X T có 02 con tên V T Tr, sinh 1992; V T L S, sinh 1994 (đều trưởng thành).

Các con của ông bà đều trưởng thành, ông bà không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn là có cơ sở pháp lý.

Chính vì những phân tích nên trên nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L T H với ông V X T về ly hôn; con chung; tài sản chung; nợ chung.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng: Bà L T H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 264; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L T H với ông V X T.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L T H được ly hôn với ông V X T.

[1.2] Về con chung: 02 con tên V T Tr, sinh 1992; V T L S, sinh 1994 (đều trưởng thành).

[1.3] Về tài sản, nợ chung: Bà L T H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng: Bà L T H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0076888 ngày 24/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển 01/2004 ngày 10/12/2004);
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Nguyệt